

# ĐÁNH GIÁ THỜI GIAN KHAI THÁC DU LỊCH CHO CÁC ĐIỂM DU LỊCH TỰ NHIÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

**Nguyễn Thị Ngạn\***

*Trường Đại học Phú Yên*

*Ngày nhận bài: 09/04/2020; ngày nhận đăng: 08/06/2020*

## Tóm tắt

*Bài báo trình bày về vấn đề đánh giá thời gian khai thác du lịch cho 17 điểm du lịch tự nhiên trên địa bàn tỉnh Phú Yên, đánh giá theo hai tiêu chí: số ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và số ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người. Kết quả đánh giá sẽ góp phần cho các cơ sở kinh doanh du lịch có hướng đầu tư, khai thác hoạt động du lịch phù hợp, mang lại hiệu quả kinh tế cao.*

**Từ khóa:** thời gian khai thác du lịch, điểm du lịch tự nhiên, tỉnh Phú Yên.

## 1. Mở đầu

Du lịch là ngành kinh tế chịu ảnh hưởng rất nhiều của tự nhiên. Thời tiết, khí hậu có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của ngành, nó quyết định trực tiếp đến lượng du khách của điểm du lịch. Theo quy luật chung của tự nhiên, trong một năm sẽ có những khoảng thời gian rất thích hợp cho việc đi du lịch của du khách và ngược lại cũng sẽ có những khoảng thời gian du khách khó thực hiện chuyến đi của mình.

Tỉnh Phú Yên thuộc khu vực duyên hải Nam Trung bộ, với đặc trưng khí hậu nhiệt đới, ẩm, gió mùa, nắng lắm, mưa nhiều thì các điểm du lịch của Phú Yên bị ảnh hưởng như thế nào về thời gian khai thác du lịch trong năm. Bài báo sẽ đưa ra các đánh giá chi tiết để xác định được số ngày thuận lợi cho hoạt động du lịch trong năm ở các điểm du lịch tự nhiên trên địa bàn tỉnh Phú Yên, để từ đó các nhà kinh doanh du lịch có hướng đầu tư kinh doanh phù hợp.

## 2. Nội dung

### 2.1. Các điểm du lịch tự nhiên được chọn để đánh giá

Phú Yên có khoảng 50 điểm du lịch tự nhiên, trong bài báo, tác giả lựa chọn 17 điểm tiêu biểu, đại diện cho 2 khu vực: ven biển phía Đông (10 điểm) và đồi núi phía Tây (7 điểm) để đánh giá.

**Bảng 1.** Các điểm tài lịch tự nhiên cho đánh giá

| TT | Tên điểm TNDL      | Xếp hạng     | Địa phương                   | Ghi chú |
|----|--------------------|--------------|------------------------------|---------|
| 1  | Vịnh Xuân Đài      | Cấp quốc gia | TX. Sông Cầu và huyện Tuy An | Khu     |
| 2  | Gành Đá Đĩa        | Cấp quốc gia | Xã An Ninh Đông, H. Tuy An   |         |
| 3  | Quần thể Hòn Yến   | Cấp quốc gia | Xã An Hòa, huyện Tuy An      |         |
| 4  | Đầm Ô Loan         | Cấp quốc gia | H. Tuy An                    |         |
| 5  | Bãi Môn - Mũi Điện | Cấp quốc gia | Xã Hòa Tâm, H. Đông Hòa      |         |

\* Email: nguyenthingan@pyu.edu.vn

|    |                                                 |               |                                             |                          |
|----|-------------------------------------------------|---------------|---------------------------------------------|--------------------------|
| 6  | Núi Đá Bia                                      | Cấp quốc gia  | Xã Hòa Xuân Nam, H. Đông Hòa                | vực ven biển phía đông   |
| 7  | Bãi biển Từ Nham -Vịnh Hòa                      | Chưa xếp hạng | Xã Xuân Thịnh, TX. Sông Cầu                 |                          |
| 8  | Bãi Xép                                         | Chưa xếp hạng | Xã An Chấn, H. Tuy An                       |                          |
| 9  | Cù Lao Mái Nhà                                  | Chưa xếp hạng | Xã An Hải, H. Tuy An                        |                          |
| 10 | Bãi biển TP. Tuy Hòa                            | Chưa xếp hạng | TP. Tuy Hòa                                 |                          |
| 11 | Đập Đồng Cam                                    | Cấp tỉnh      | Xã Hòa Hội, H. Phú Hòa                      | Khu vực đồi núi phía tây |
| 12 | Suối khoáng Triêm Đức                           | Chưa xếp hạng | Xã Xuân Quang 2, H. Đồng Xuân               |                          |
| 13 | Cao nguyên Vân Hòa                              | Chưa xếp hạng | Xã Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân, H. Sơn Hòa |                          |
| 14 | Hồ thủy điện Sông Ba hạ                         | Chưa xếp hạng | H. Sơn Hòa và H. Sông Hinh                  |                          |
| 15 | Hồ thủy điện Sông Hinh                          | Chưa xếp hạng | Xã Đức Bình Đông và Sông Hinh, H. Sông Hinh |                          |
| 16 | Hồ trung tâm thị trấn Hai Riêng (hồ Xuân Hương) | Chưa xếp hạng | TT. Hai Riêng, H. Sông Hinh                 |                          |
| 17 | Thác H'Ly                                       | Chưa xếp hạng | Xã Sông Hinh, H. Sông Hinh                  |                          |

[Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Phú Yên (2012)]

## 2.2. Phương pháp đánh giá

Bài báo sử dụng phương pháp đánh giá theo hướng tiếp cận thích nghi sinh thái, là dạng đánh giá nhằm thể hiện mức độ thích hợp (thuận lợi) theo khía cạnh tự nhiên của cảnh quan và các hợp phần của chúng đối với hoạt động kinh tế nào đó [Trương Quang Hải (2015)]. Mức độ thuận lợi của các địa tổng thể thường được thể hiện ở dạng điểm và phân thành các cấp (mức) khác nhau.

Trong bài báo, tiêu chí khí hậu được dùng để đánh giá cho thời gian hoạt động du lịch trong năm.

## 2.3. Xây dựng tiêu chí đánh giá

Thời gian khai thác hoạt động du lịch được xem xét dưới góc độ tác động của các yếu tố khí tượng đến hoạt động du lịch, có liên quan trực tiếp đến điều kiện khí hậu của điểm du lịch. Qua phân tích tài liệu của các tác giả: Nguyễn Hữu Xuân (2009); Nguyễn Thanh Tường (2016); Nguyễn Trọng Hiếu (2017); Lê Văn Tin (2017) và đặc điểm khí hậu của địa bàn nghiên cứu, các tiêu chí cho thời gian khai thác hoạt động du lịch ở Phú Yên được xác định gồm: *số ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và số ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp nhất đối với sức khỏe con người*. Cụ thể:

+ Số ngày trong năm có thể triển khai tốt các hoạt động du lịch được xác định tổng số ngày trong một năm trừ đi số ngày có thời tiết không thuận lợi.

Đối tượng đánh giá của đề tài là điểm tài nguyên du lịch tự nhiên, địa bàn du lịch chủ yếu diễn ra ngoài trời, hoạt động du lịch diễn ra thuận lợi khi thời tiết phù hợp. Những ngày có thời tiết đẹp, quang mây, không mưa bão, sấm chớp,.. sẽ là thời gian có thể triển khai các hoạt động du lịch. Ngược lại, những ngày thời tiết u ám, đông, mưa, bão, gió mạnh,...không thuận lợi cho hoạt động du lịch.

Ở Phú Yên, khí hậu còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của hiện tượng gió “phơn Tây Nam” vào mùa hè (thường gọi là gió Lào), những ngày có gió “phơn” sẽ làm cho thời tiết cực khô nóng (nhiệt độ cao trên  $35^{\circ}\text{C}$ , độ ẩm tương đối dưới 55%), kiểu thời tiết này sẽ làm cho con người cảm thấy rất khó chịu, nên đây cũng là thời gian không thuận lợi cho hoạt động du lịch. Ngoài ra, khoảng cuối tháng 5 và tháng 6, ở Phú Yên còn có những cơn mưa dông vào buổi chiều (gọi là mưa tiểu mãn), thời gian mưa ngắn nhưng cường độ mưa lớn và thường kéo theo hiện tượng sấm chớp. Vì vậy, khi đánh giá tác giả cũng lưu ý vấn đề này để kết quả đánh giá được chính xác hơn.

+ Để xác định số ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp nhất với sức khỏe con người, tác giả sử dụng giản đồ thực nghiệm về tương quan giữa các yếu tố khí hậu là nhiệt độ không khí ( $^{\circ}\text{C}$ ) và độ ẩm tuyệt đối trung bình (mb). Giản đồ này đã được Tổ chức du lịch thế giới (World Tourism Organization - UNWTO) công nhận và sử dụng trong nghiên cứu, đánh giá các điều kiện khí hậu cho mục đích du lịch. Ở nước ta, các tác giả Đặng Duy Lợi (1992), Nguyễn Hữu Xuân (2009)... cũng đã sử dụng giản đồ nhiệt - ẩm trong đánh giá khí hậu cho du lịch.

Giản đồ nhiệt ẩm có các đường cong giới hạn phân chia mặt phẳng tọa độ ra thành các khu vực có các kiểu thời tiết khác nhau, những kiểu thời tiết này chính là cơ sở để đánh giá điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người. Các kiểu thời tiết bao gồm: lạnh (ít thích hợp); dễ chịu – gồm có ẩm và mát (rất thích hợp); hơi nóng (thích hợp) và nóng nực (ít thích hợp). Thời gian có điều kiện khí hậu thuận lợi, thích hợp nhất sẽ là lúc giá trị nhiệt độ không khí và độ ẩm tuyệt đối của không khí nằm trong vùng *dễ chịu*. Điều kiện khí hậu ở Phú Yên, theo số liệu quan trắc trung bình 10 năm (2009 – 2018) không có tháng nào có điều kiện về nhiệt độ không khí và độ ẩm tuyệt đối đạt mức rất thích hợp (nằm trong vùng dễ chịu), nên tiêu chí *số ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp nhất đối với sức khỏe con người* được điều chỉnh là *số ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người* để làm tiêu chí đánh giá.

Trong đánh giá, tác giả sử dụng giản đồ tương quan nhiệt - ẩm của trạm khí tượng Tuy Hòa, Sơn Hòa. Các điểm đánh giá thuộc khu vực ven biển phía Đông sẽ dùng kết quả quan trắc của trạm Tuy Hòa và các điểm đánh giá thuộc khu vực đồi núi phía Tây sẽ dùng kết quả quan trắc của trạm Sơn Hòa để tính toán. (*Phú Yên chỉ có hai trạm khí tượng là Tuy Hòa và Sơn Hòa*).

**Bảng 2.** Thang đánh giá thời gian hoạt động du lịch

| Cấp             | Chỉ tiêu                                                                                                                                                     | Điểm |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| Rất dài (T4)    | Có $\geq 240$ ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và $\geq 150$ ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người. | 4    |
| Dài (T3)        | Có 200-239 ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và 120-149 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người.       | 3    |
| Trung bình (T2) | Có 160-199 ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và 90-119 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với                            | 2    |

|           |                                                                                                                                                         |   |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|           | sức khỏe con người.                                                                                                                                     |   |
| Ngắn (T1) | Có dưới 160 ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch và dưới 90 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người. | 1 |

*[Tác giả xây dựng]*

## **2.4. Đánh giá thời gian hoạt động du lịch**

### **2.4.1. Đánh giá số ngày trong năm có thể triển khai tốt hoạt động du lịch (số ngày thuận lợi cho hoạt động du lịch)**

Số ngày thuận lợi cho du lịch là số ngày trong năm (365 ngày) trừ đi các ngày có thời tiết bất lợi cho du lịch (bao gồm ngày mưa liên tục, ngày đông lạnh, ngày gió phơn tây nam mạnh, ngày sương mù, ngày bão). Số liệu dùng để tính toán là số liệu của các trạm đo mưa: Sông Cầu, Tuy Hòa, Sơn Hòa, Hà Bằng, Phú Lạc, Sơn Thành và 2 trạm khí tượng Tuy Hòa và Sơn Hòa (số liệu trung bình 10 năm từ 2009 – 2018). Kết quả tính toán được thể hiện ở bảng 3 và bảng 4.

**Bảng 3. Tổng hợp số ngày thời tiết bất lợi cho hoạt động du lịch theo năm (ĐVT: Ngày)**

| Địa điểm<br>Yếu tố    | Vịnh Xuân Đài | Gành Đá Đĩa | Hòn Yến | Đầm Ô Loan | Bãi Môn - Mũi Điện | Núi Đá Bia | Bãi biển Từ Nham - Vịnh Hòa | Bãi Xếp | Cù Lao Mái Nhà | Bãi biển Tuy Hòa | Đập Đồng Cam | Suối khoáng Triêm Đức | Cao nguyên Vân Hòa | Hồ thủy điện Ba hạ | Hồ thủy điện Sông Hinh | Hồ trung tâm Hai Riêng | Thác H'Ly |
|-----------------------|---------------|-------------|---------|------------|--------------------|------------|-----------------------------|---------|----------------|------------------|--------------|-----------------------|--------------------|--------------------|------------------------|------------------------|-----------|
| Số ngày mưa liên tục  | 60,0          | 89,0        | 72,0    | 72,0       | 41,0               | 41,0       | 60,0                        | 72,0    | 72,0           | 72,0             | 54,0         | 64,0                  | 71                 | 71                 | 71                     | 71                     | 71        |
| Số ngày đông, lốc     | 41,2          | 41,2        | 41,2    | 41,2       | 41,2               | 41,2       | 41,2                        | 41,2    | 41,2           | 41,2             | 105,0        | 105,0                 | 105                | 105                | 105                    | 105                    | 105       |
| Số ngày gió phơn mạnh | 2,0           | 2,0         | 2,0     | 2,0        | 2,0                | 2,0        | 2,0                         | 2,0     | 2,0            | 2,0              | 15,0         | 15,0                  | 15,0               | 15,0               | 15,0                   | 15,0                   | 15,0      |
| Số ngày sương mù      | 2,9           | 2,9         | 2,9     | 2,9        | 2,9                | 2,9        | 2,9                         | 2,9     | 2,9            | 2,9              | 17,5         | 17,5                  | 17,5               | 17,5               | 17,5                   | 17,5                   | 17,5      |
| Số ngày bão           | 1,0           | 1,0         | 1,0     | 1,0        | 1,0                | 1,0        | 1,0                         | 1,0     | 1,0            | 1,0              | 1,0          | 1,0                   | 1,0                | 1,0                | 1,0                    | 1,0                    | 1,0       |
| TỔNG CỘNG             | 108           | 120         | 120     | 120        | 89                 | 89         | 108                         | 120     | 120            | 120              | 195          | 205                   | 212                | 212                | 212                    | 212                    | 212       |

[Số liệu do trạm KTTV Tuy Hòa cung cấp, tác giả xử lý]

**Bảng 4. Kết quả đánh giá số ngày thuận lợi cho hoạt động du lịch theo năm (ĐVT: Ngày)**

| Địa điểm | Vịnh Xuân Đài | Gành Đá Đĩa | Hòn Yến | Đầm Ô Loan | Bãi Môn - Mũi Điện | Núi Đá Bia | Bãi biển Từ Nham - Vịnh Hòa | Bãi Xếp | Cù Lao Mái Nhà | Bãi biển Tuy Hòa | Đập Đồng Cam | Suối khoáng Triêm Đức | Cao nguyên Vân Hòa | Hồ thủy điện Ba hạ | Hồ thủy điện Sông Hinh | Hồ trung tâm Hai Riêng | Thác H'Ly |
|----------|---------------|-------------|---------|------------|--------------------|------------|-----------------------------|---------|----------------|------------------|--------------|-----------------------|--------------------|--------------------|------------------------|------------------------|-----------|
| Số ngày  | 257           | 245         | 245     | 245        | 267                | 267        | 257                         | 245     | 245            | 245              | 170          | 160                   | 153                | 153                | 153                    | 153                    | 153       |

[Kết quả tính toán của tác giả]

#### 2.4.2. Đánh giá số ngày có khí hậu thích hợp với sức khỏe con người

Số ngày có khí hậu thích hợp với sức khỏe con người được tính dựa vào tính dựa vào nhiệt độ trung bình và độ ẩm tuyệt đối trung bình theo tháng, được biểu thị trên giản đồ nhiệt - ẩm (hình 1 và hình 2).

**Bảng 5.** Độ ẩm tuyệt đối và nhiệt độ trung bình các tháng trong năm trạm Tuy Hòa

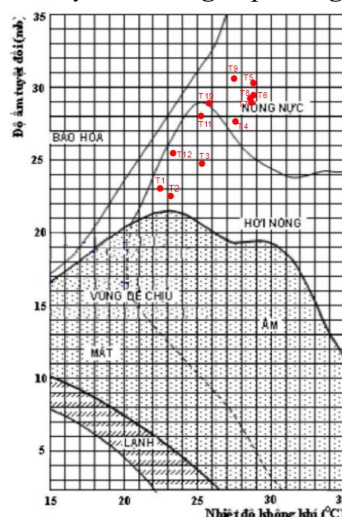
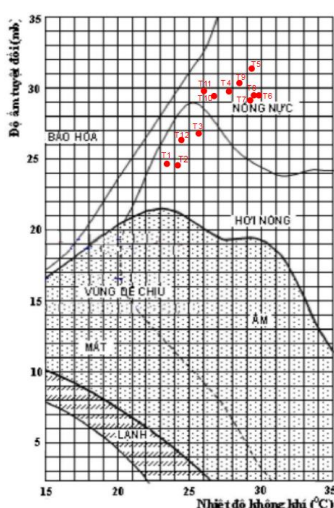
| Tháng<br>Yếu tố            | I    | II   | III  | IV   | V    | VI   | VII  | VIII | IX   | X    | XI   | XII  | Năm  |
|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Độ ẩm tuyệt đối TB (mb)    | 24,7 | 24,6 | 26,9 | 29,9 | 31,3 | 29,5 | 29,1 | 29,3 | 30,2 | 29,4 | 29,8 | 26,2 | 28,5 |
| Nhiệt độ TB (°C)           | 23,5 | 24,2 | 25,7 | 27,8 | 29,3 | 29,9 | 29,3 | 29,5 | 28,5 | 26,8 | 26,0 | 24,5 | 24,9 |
| Nhiệt độ thấp nhất TB (°C) | 21,1 | 21,4 | 22,6 | 24,2 | 25,4 | 26,1 | 25,8 | 25,6 | 24,8 | 24,1 | 23,3 | 22,0 | 23,9 |
| Nhiệt độ cao nhất TB (°C)  | 26,5 | 27,8 | 29,8 | 32,0 | 33,9 | 34,3 | 34,3 | 33,9 | 32,5 | 29,7 | 27,9 | 26,5 | 30,8 |

[Số liệu do trạm KTTV Tuy Hòa cung cấp, tác giả xử lý]

**Bảng 6.** Độ ẩm tuyệt đối và nhiệt độ trung bình các tháng trong năm trạm Sơn Hòa

| Tháng<br>Yếu tố            | I    | II   | III  | IV   | V    | VI   | VII  | VIII | IX   | X    | XI   | XII  | Năm  |
|----------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Độ ẩm tuyệt đối TB (mb)    | 23,0 | 22,6 | 24,9 | 27,8 | 30,1 | 29,5 | 29,0 | 29,1 | 30,6 | 28,9 | 28,0 | 25,4 | 27,4 |
| Nhiệt độ TB (°C)           | 22,5 | 23,1 | 25,3 | 27,6 | 28,9 | 28,9 | 28,6 | 28,5 | 27,5 | 25,8 | 25,2 | 23,4 | 24,1 |
| Nhiệt độ thấp nhất TB (°C) | 19,0 | 19,6 | 21,2 | 23,1 | 24,6 | 24,9 | 24,7 | 24,6 | 23,9 | 22,9 | 21,7 | 20,1 | 22,5 |
| Nhiệt độ cao nhất TB (°C)  | 27,2 | 29,4 | 32,4 | 34,9 | 35,6 | 34,6 | 34,6 | 34,1 | 32,8 | 30,0 | 28,2 | 26,6 | 31,7 |

[Số liệu do trạm KTTV Tuy Hòa cung cấp, tác giả xử lý]



Chú thích: T1; T2; T3...: Tháng 1; tháng 2; tháng 3...

**Hình 1.** Giản đồ nhiệt - ẩm trạm Tuy Hòa      **Hình 2.** Giản đồ nhiệt - ẩm trạm Sơn Hòa

- Kết quả phân tích giản đồ tương quan nhiệt - ẩm trạm Tuy Hòa cho thấy:
- + Số ngày có khí hậu thích hợp với sức khỏe con người là 121 ngày (tháng 12,

1,2,3), nhiệt độ tối thấp trung bình là 21,1°C (tháng 1), nhiệt độ tối cao trung bình là 29,8°C, không có ngày nào nhiệt độ trên 33°C. Đối chiếu với kết quả nghiên cứu về chỉ số nhiệt thích hợp với sức khỏe con người của các tác giả: Phạm Ngọc Toàn – Phan Tất Đắc, các nhà khoa học Ấn Độ là phù hợp.

+ Số ngày có khí hậu không thích hợp với sức khỏe con người là 244 ngày.

- Kết quả phân tích giản đồ tương quan nhiệt - ẩm trạm Sơn Hòa cho thấy:

+ Số ngày có khí hậu thích hợp với sức khỏe con người là 150 ngày (tháng 11, 12, 1,2,3 trừ đi 1 ngày nhiệt độ trên 33°C), nhiệt độ tối thấp trung bình là 19,0°C (tháng 1), nhiệt độ tối cao trung bình là 32,4°C, có 1 ngày nhiệt độ trên 35°C. Đối chiếu với kết quả nghiên cứu về chỉ số nhiệt độ thích hợp với sức khỏe con người của các tác giả: Phạm Ngọc Toàn – Phan Tất Đắc, các nhà khoa học Ấn Độ là phù hợp.

+ Số ngày có khí hậu không thích hợp với sức khỏe con người là 215 ngày.

**Bảng 7. Kết quả đánh giá thời gian hoạt động du lịch**

| TT | Tên điểm TNDL               | Số ngày có thể triển khai tốt hoạt động du lịch | Số ngày có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người | Điểm đánh giá | Mức đánh giá |
|----|-----------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|
| 1  | Vịnh Xuân Đài               | 257                                             | 121                                                               | 3             | Dài          |
| 2  | Gành Đá Đĩa                 | 245                                             | 121                                                               | 3             | Dài          |
| 3  | Quần thể Hòn Yến            | 245                                             | 121                                                               | 3             | Dài          |
| 4  | Đầm Ô Loan                  | 245                                             | 121                                                               | 3             | Dài          |
| 5  | Bãi Môn - Mũi Điện          | 276                                             | 121                                                               | 3             | Dài          |
| 6  | Núi Đá Bia                  | 270                                             | 121                                                               | 3             | Dài          |
| 7  | Bãi biển Từ Nham - Vịnh Hòa | 257                                             | 121                                                               | 3             | Dài          |
| 8  | Bãi Xếp                     | 245                                             | 121                                                               | 3             | Dài          |
| 9  | Cù Lao Mái Nhà              | 245                                             | 121                                                               | 3             | Dài          |
| 10 | Bãi biển TP. Tuy Hòa        | 245                                             | 121                                                               | 3             | Dài          |
| 11 | Đập Đồng Cam                | 170                                             | 150                                                               | 2             | TB           |
| 12 | Suối khoáng Triêm Đức       | 160                                             | 150                                                               | 2             | TB           |
| 13 | Cao nguyên Vân Hòa          | 153                                             | 150                                                               | 1             | Ngắn         |
| 14 | Hồ thủy điện sông Ba hạ     | 153                                             | 150                                                               | 1             | Ngắn         |
| 15 | Hồ thủy điện Sông Hinh      | 153                                             | 150                                                               | 1             | Ngắn         |
| 16 | Hồ Xuân Hương               | 153                                             | 150                                                               | 1             | Ngắn         |
| 17 | Thác H'Ly                   | 153                                             | 150                                                               | 1             | Ngắn         |

[Kết quả đánh giá của tác giả]

### 3. Kết luận

Như vậy, kết quả đánh giá cho thấy: các điểm du lịch ở khu vực ven biển phía Đông có thời gian khai thác du lịch trong năm đạt mức dài còn các địa điểm phía Tây chỉ đạt mức

trung bình và ngắn.

Thời gian thuận lợi cho hoạt động du lịch và số ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp với sức khỏe con người được xác định cụ thể sẽ là cơ sở để các cơ sở kinh doanh du lịch xác định chính xác hơn về việc đầu tư dịch vụ du lịch theo mùa, khai thác tối ưu các thời gian thuận lợi trong năm để tối đa hóa lợi nhuận. Bên cạnh đó, các cơ sở kinh doanh du lịch còn có thể xác định mùa vụ để thuê nhân công, trang bị các trang thiết bị hỗ trợ du khách, cũng như đưa ra các khuyến cáo cho du khách khi tham gia hoạt động du lịch tại địa bàn, đặc biệt là đối với khách du lịch ngoài tỉnh□

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trương Quang Hải. (2015). Nghiên cứu, đánh giá tổng hợp tài nguyên du lịch, hoạch định không gian và đề xuất các giả pháp phát triển du lịch Tây Nguyên, Chương trình KHCN trọng điểm cấp nhà nước “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên”, Mã số KHCN-TN3/11-15 (Chương trình Tây Nguyên 3), Viện hàn lâm KH&CN Việt Nam, Hà Nội.
- Nguyễn trọng Hiếu. (2017). Đánh giá mức độ thuận lợi của tài nguyên du lịch và định hướng khai thác bền vững tài nguyên du lịch Tây Ninh. Kỷ yếu Hội nghị địa lý toàn quốc lần IX. NXB KHTH&CN.
- Đặng Duy Lợi. (1992). Đánh giá và khai thác các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên huyện Ba Vì (Hà Tây) phục vụ mục đích du lịch. Luận án Phó tiến sĩ. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Phú Yên. (2012). Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Yên giai đoạn đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2025.
- Lê Văn Tin, Đặng Thùy Dương, Nguyễn Trọng Quốc. (2017). Đánh giá tiềm năng phát triển du lịch sinh thái các huyện miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế. Kỷ yếu Hội nghị địa lý toàn quốc lần X. NXB KHTH&CN.
- Nguyễn Thanh Tường. (2016). Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi phục vụ phát triển một số loại hình du lịch. Kỷ yếu Hội nghị địa lý toàn quốc lần IX. NXB KHTH&CN.
- Nguyễn Hữu Xuân. (2009). Đánh giá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận phục vụ phát triển một số loại hình du lịch. Luận án tiến sĩ Địa lý. Trường ĐHSP Hà Nội.

## **Time assessment for tourism exploitation at some natural tourist destinations in Phu Yen province**

**Nguyen Thi Ngan**

*Phu Yen University*

*Email: nguyenthingan@pyu.edu.vn*

*Received: April 09, 2020; Accepted: June 08, 2020*

### **Abstract**

*The paper presents the issue of assessing the time for tourism exploitation at 17 natural tourist sites in Phu Yen province, based on two criteria: the number of days in the year that tourism can be implemented well and number of days in the year with appropriate climatic conditions for human health. The evaluation results will partially enable tourism businesses to plan for their appropriate investment on tourism activities, bringing about high economic efficiency.*

**Keywords:** *time of tourism exploitation, natural tourist destination, Phu Yen province*